

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỔ
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:36/2018/HSST

Ngày: 30-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà: Nguyễn Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông:Lò Văn Chiên.

Bà: Mừng Thị Xanh.

-Thư ký phiên toà: Ông: Thiều Quang Hải- Thư ký Toà án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên toà:Bà: Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2018/HSST, ngày 10 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:36/2017/QĐĐVARXX-HS, ngày 18 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Lý A B, tên gọi khác: không, sinh năm 1980, tại huyện P, tỉnh L; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: bản D, xã N, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo:không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý A Đ, sinh năm 1955 và bà Lý Xa M, sinh năm 1955; bị cáo có vợ là: Phan Xa N, sinh năm: 1982 và có 03 con, con lớn nhất 2004, con nhỏ nhất 2010; tiền sự: không, tiền án: không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 18/12/2017, chuyển tạm giam ngày 21/12/2017, đến ngày 29/12/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Cơ quan điều tra Công an huyện Phong Thổ; bị cáo được triệu tập có mặt tại phiên toà.

Người bị hại: đại diện gia đình:Anh: Tao Văn T, sinh năm 1973, trú tại: bản M, xã N, huyện P, tỉnh L (có mặt).

Những người làm chứng:

1. Anh: Phan Diệu M1, sinh năm 1979;trú tại: bản S, xã S, huyện P, tỉnh L (vắng mặt).

2. Anh: Tẩn Văn M2, sinh năm 1990, trú tại: bản P, xã B, huyện P, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 11 năm 2017 (ngày không nhớ), Lý A B, sinh năm 1980, thường trú tại bản D, xã N, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đang ở nhà một mình thì nhìn thấy một con trâu vào nương chuối của nhà B (cách nhà B khoảng 10 mét) B đuổi nhưng con trâu không đi. B quan sát xung quanh nhưng không thấy ai nên nảy sinh ý định dắt con trâu mang về nhà để bán lấy tiền. B lấy đoạn dây thừng khoảng 04 mét đến gần con trâu buộc vào sợi dây xiên ở mũi trâu rồi dắt trâu về buộc vào chuồng trâu nhà B (đó là một con trâu cái khoảng 09 tuổi, lông màu đen, tai bên phải bị cắt cụt khoảng 02cm, ở mũi được xiên một sợi dây thừng) giấu không cho ai biết. Khoảng 08 giờ ngày 12/12/2017, B gọi điện thoại cho Tần Văn M2, sinh năm 1990, chỗ ở bản P, xã B, huyện P, tỉnh L hỏi M2 có mua trâu không, M2 đồng ý. Khoảng 14 giờ cùng ngày M2 và Phan Điều M1, sinh năm 1979, chỗ ở bản S, xã S, huyện P, tỉnh L đến nhà B xem trâu, Bình nói là trâu của nhà B bán 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*), nhưng M1 trả 19.000.000đ (*Mười chín triệu đồng*), không thỏa thuận được giá cả nên M1 và M2 ra về. Khoảng 08 giờ ngày 13/12/2017 B tiếp tục gọi điện thoại cho M2 hỏi lại có mua trâu không, M2 lại gọi điện thoại cho M1 bảo con trâu bán giá 20.000.000đ có nhất trí mua không thì M1 đồng ý. Khoảng 13 giờ ngày 13/12/2017 M1 đến nhà B thỏa thuận nhất trí mua con trâu với giá 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) với điều kiện B phải làm giấy tờ mua bán cho M1. B đồng ý, cầm giấy phép lái xe mô tô của M1 đưa và đến nhà trưởng bản xin giấy xác nhận bán con trâu nhưng trình báo với trưởng bản là B bán con trâu cái, 05 tuổi của nhà B. B nhận được giấy trưởng bản ký nhận, tiếp tục đến trụ sở UBND xã xin xác nhận. Tại xã, B trình bày bán con trâu đực, 05 tuổi. Có giấy xác nhận của xã B đưa cho M1 xem. Do không biết chữ thấy tờ giấy có dấu đỏ nên M1 không hỏi đưa luôn đủ số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) cho B và lại đưa giấy xác nhận cho B để khi M2 đến chở trâu thì B đưa cho M2. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày M2 đến nhà B chở trâu và mang giấy tờ mua bán về cho M1 (M2 cũng không đọc tờ giấy). Ngày 16/12/2017 M1 đã bán con trâu trên cho một người đàn ông Trung quốc không biết tên, địa chỉ được 6.000NDT. Ngày 18/12/2017, B gọi điện cho M1 nói trong giấy mua bán trâu là trâu đực nhưng M1 trả lời không biết trâu mua là trâu cái, B phải tự chịu trách nhiệm.

Con trâu mà B chiếm đoạt là của gia đình anh Tao Văn T, có đặc điểm là trâu cái, 09 tuổi, lông màu đen, bị cắt cụt một bên tai phải, mũi có xiên một sợi dây thừng, nặng khoảng 300kg (Ba trăm kilogam) được chằng thả rộng cùng một con trâu nghé. Sau khi phát hiện thấy trâu không về gia đình tổ chức đi tìm theo dấu chân trâu đến vườn chuối nhà B và nghi ngờ Lý A B bắt trộm. Ngày 18/12/2017 anh Tao Văn T trình báo cơ quan điều tra. Khi cơ quan điều tra triệu tập B đến làm việc, B đã khai nhận toàn bộ sự việc và tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền bán trâu 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*), ngoài ra B còn tự nguyện bồi thường 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) cho gia đình anh T.

Bản kết luận định giá tài sản số:200/HĐĐGTS, ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Phong Thổ kết luận: một

con trâu cái, 09 tuổi xác định cân nặng 300kg có giá trị thành tiền là **30.000.000đ** (*Ba mươi triệu đồng*).

Quá trình điều tra, truy tố tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu là hoàn toàn đúng.

Người bị hại cũng có lời trình bày về đặc điểm con trâu, thời gian, địa điểm bị mất trâu đúng như bị cáo trình bày, gia đình đã nhận được 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng) nay yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp trị giá con trâu theo biên bản định giá nhà nước và tiền công 20 ngày đi tìm trâu thành tiền là khoảng 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

Tại phiên tòa bị cáo và người bị hại đã thỏa thuận thống nhất số tiền phải bồi thường thiệt hại cho người bị hại gồm: số tiền trị giá con trâu con thiếu là 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) và 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tiền công đi tìm trâu. Tổng số tiền bị cáo Bình phải trả cho người bị hại là 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*). Các bên còn thỏa thuận thời hạn trả tiền chậm nhất là ngày 20/01/2018 (Âm lịch), tức ngày 07/03/2018 (dương lịch).

Bản cáo trạng số: 13/KSĐT-SH, ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã truy tố bị cáo Lý A B về tội “**Trộm cắp tài sản**” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự (*Bộ luật hình sự viết tắt là BLHS*) năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu giữ quyền công tố tại phiên tòa, luận tội, căn cứ kết quả thẩm tra tại phiên tòa khẳng định quyết định truy tố là đúng cần giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; không áp dụng các hình phạt bổ sung phạt tiền, cũng như khấu trừ thu nhập đối với bị cáo; ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người bị hại về bồi thường dân sự theo Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự (*Bộ luật tố tụng dân sự viết tắt là BLTTDS*); đồng thời đề nghị tịch thu chiếc điện thoại để tiêu hủy theo Điều 46, 47 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (*Bộ luật tố tụng hình sự viết tắt là BLTTHS*).

Bị cáo, người bị hại nhất trí với bản cáo trạng, luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; bị cáo, người bị hại không tranh luận; được nói lời sau cùng bị cáo ăn năn hối lỗi xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện cải tạo tại địa phương nuôi dạy các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phong Thổ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa Kiểm sát viên và bị cáo đều nhất trí xét xử vắng mặt họ. Xét việc những người này vắng mặt không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 BLTTHS tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với lời khai của người bị hại (bút lục từ số 71 đến 76), những người làm chứng (Phản Điều M1 từ bút lục số 83 đến 86, Tẩn Văn M2 từ bút lục số 89 đến 92), bản kết luận định giá tài sản số: 200/HĐĐGTS, ngày 21/12/2017 (bút lục số 38), lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố (bút lục từ số 55 đến 68), phù hợp cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, động cơ phạm tội cũng như loại tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt được đủ cơ sở kết luận: Khoảng cuối tháng 11 năm 2017, lợi dụng gia đình anh Tao Văn T chừa thả rông một con trâu (trâu cái 09 tuổi, lông màu đen, tai bên phải bị cắt cụt khoảng 02cm, có trọng lượng 300kg, có sợi dây thừng xiên ở mũi) ở khu vực nương của bản M, xã N, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đi vào nương chuổi nhà B ở bản D, xã N, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu không có ai trông coi, chừa dắt, B đã dùng đoạn dây thừng dài khoảng 04 mét buộc vào dây thừng đang xiên ở mũi con trâu dắt về buộc giấu trong chuồng trâu của gia đình nhà B không cho ai biết. Đến ngày 13/12/2017 B bán con trâu đó cho Phản Điều M1, sinh năm 1979 ở bản S, xã S, huyện P được 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Trị giá con trâu bị chiếm đoạt có giá trị quy đổi thành tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Hành vi lợi dụng điều kiện sơ hở của chủ tài sản để dắt con trâu về giấu ở chuồng không cho ai biết là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản đã hoàn thành, đây chính là hành vi trộm cắp, là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người đã thành niên, có đủ sức khỏe, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật vẫn cố ý thực hiện. Như vậy đã đủ kết luận bị cáo Lý A B đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, cụ thể Điều luật quy định “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm*”.

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục được một phần thiệt hại; nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; hơn

nữa tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thể hiện ở việc bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại và tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho người bị hại tại phiên tòa, bị cáo sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội khó khăn, trình độ nhận thức thấp (lớp 3) nên hạn chế về nhận thức đây là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Với những nhận định trên, xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo cũng như điều kiện sống của bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bản thân bị cáo có khả năng tự cải tạo trong môi trường sống bình thường mà không cần cách ly ra khỏi xã hội nên chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo Điều 31 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân (*Ủy ban nhân dân xã viết tắt là UBND*) xã nơi bị cáo thường trú quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo cũng đủ đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội, điều đó thể hiện tính nhân đạo của pháp luật đối với người thực sự biết ăn năn hối lỗi, biết sửa chữa khắc phục lỗi lầm.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo làm ruộng, nhiều con, các con lại đều còn nhỏ, khả năng kinh tế đã bồi thường cho người bị hại sẽ khó đảm bảo thi hành án nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) cũng như khấu trừ thu nhập đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 138 và khoản 3 Điều 31 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[5] Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa bị cáo và người bị hại đã thỏa thuận được số tiền, thời hạn phải bồi thường. Xét việc thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần ghi nhận theo Điều 246 của BLTTDS, Điều 589 Bộ luật Dân sự (*Bộ luật dân sự viết tắt là BLDS*) và Điều 42 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[6] Về xử lý vật chứng: Số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) bị cáo Lý A B bán trâu mà có đã tự giao nộp toàn bộ, nay cơ quan điều tra trao trả cho người bị hại là có căn cứ đúng luật, vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với một chiếc điện thoại di động Viettel do Sam sung sản xuất loại máy bàn phím đỏ đen. MODEL: GT- E2121B, bên trong có 01 sim Viettel (đã qua sử dụng) là tài sản của bị cáo dùng để liên lạc trao đổi, tại phiên tòa bị cáo xác nhận điện thoại không có giá trị không nhận lại nên cần tịch thu để tiêu hủy theo Điều 106 BLTTHS (*chiếc điện thoại có đặc điểm, hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/01/2018 giữa Công an huyện Phong Thổ và Chi cục thi hành án huyện Phong Thổ*).

Hội đồng xét xử thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp nên cần chấp nhận. Tuy nhiên về điều luật áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và xử lý vật chứng của Kiểm sát viên theo BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước 0 giờ, ngày 01 tháng 01 năm 2018 (Ngày BLHS năm 2015 có hiệu lực). Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng theo BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để giải quyết toàn bộ vụ án.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ

quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trong vụ án này việc UBND xã cấp giấy xác nhận mua bán trâu không yêu cầu cung cấp giấy xác nhận của cấp cơ sở, không có mặt hai bên mua bán dẫn đến cấp sai sự thật tạo điều kiện cho bị cáo thực hiện được tội để hành vi phạm tội. Vì vậy Hội đồng xét xử kiến nghị UBND xã Nậm Xe trong công tác xác nhận giấy tờ có giá trị cho người dân đúng quy định của pháp luật. Đối với Phần Điều M1 người mua trâu đã có giấy xác nhận, và Tần Văn M2 người chở trâu thuê cho M1, cả hai người khi gặp bị cáo trao đổi mua bán chỉ biết bị cáo bảo là trâu của bị cáo nên đã mua và bán lại vậy họ chỉ là người làm chứng trong vụ án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo **Lý A B** phạm tội “ *Trộm cắp tài sản*”.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b,h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Lý A B **12 (Mười hai)** tháng cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 12 (*Mười hai*) ngày tạm giữ, tạm giam quy đổi là: $12 \times 3 = 36$ (*Ba mươi sáu*) ngày cải tạo không giam giữ (một ngày tạm giữ, tạm giam bằng ba ngày cải tạo không giam giữ) = 01 (*Một*) tháng 06 (*Sáu*) ngày.

Vậy bị cáo phải thi hành là **10 (Mười)** tháng **24 (Hai mươi bốn)** ngày cải tạo không giam giữ. *Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày UBND xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.*

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Lý A B cho UBND xã N, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (nơi bị cáo thường trú) để quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án. Yêu cầu gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã N trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 01, ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Cơ quan điều tra hết hiệu lực khi *UBND xã N, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.*

3/ Áp dụng Điều 42 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 589 Bộ luật dân sự, Điều 246 BLTTDS ghi nhận việc bị cáo và người bị hại thỏa thuận thống nhất: bị cáo Lý A B phải bồi thường cho người bị hại đại diện là anh Tao Văn T (*sinh năm 1973, trú tại bản M, xã N, huyện Phong thổ, tỉnh Lai Châu*) tổng số tiền là **12.000.000đ (Mười hai triệu đồng)**. Thời hạn trả tiền là ngày 20/01/2018 Âm lịch tức ngày 07/03/2018 dương lịch.

4/ Áp dụng Điều 41 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy một chiếc điện thoại di động của bị cáo Lý A B.

(Vật chứng có đặc điểm và hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 10/01/2018 giữa Công an huyện và Chi cục thi hành án huyện Phong Thổ).

5/ Áp dụng Điều 135, 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23, điểm 1 mục 1 danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, buộc bị cáo Lý A B phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí dân sự sơ thẩm và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

6/ Kiến nghị UBND xã Nậm Xe trong công tác xác nhận giấy tờ có giá trị cho người dân đúng quy định của pháp luật.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Áp dụng Điều 331, Điều 333 BLTTHS: bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND hai cấp;
- CQĐT cấp huyện;
- Cơ quan THAHS cấp huyện;
- Nhà tạm giữ cấp huyện;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- THADS cấp huyện;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- UBND xã Nậm Xe;
- Lưu: THA-HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà